



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

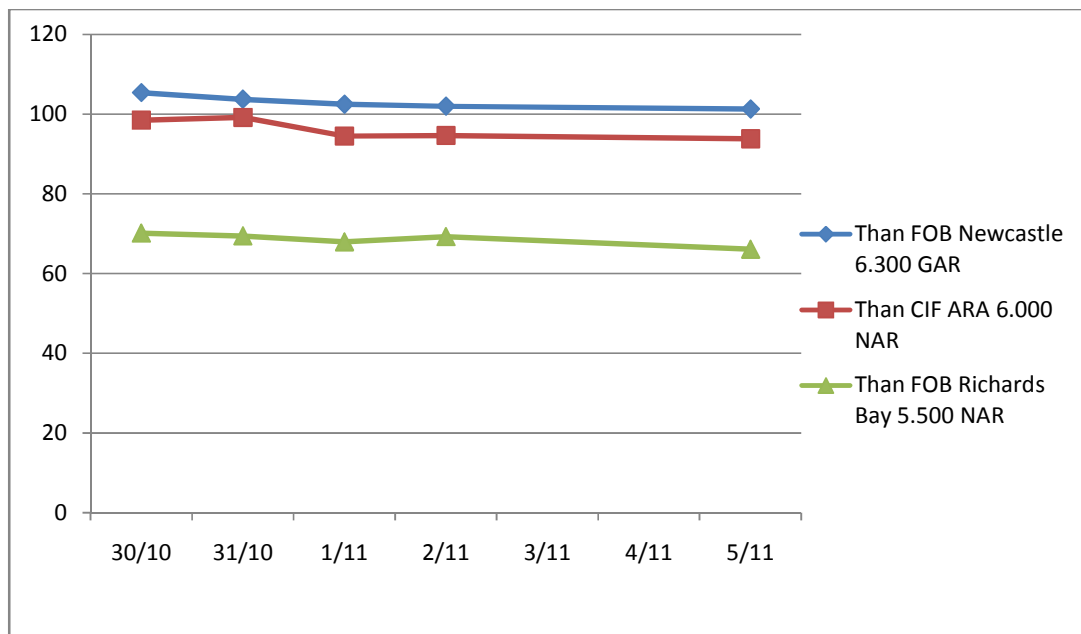
Ngày 9/11/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	101,30	-0,70	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	93,80	-0,80	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	66,10	-3,15	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,95	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	51,50	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	43,90	+0,15	302,98	+2,54
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	59,75	+0,00	412,36	+2,05
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	76,50	-1,00	527,96	+2,62

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 05/11/2018)

ĐIỂM TIN

Khối lượng than trung chuyển tại các cảng Ấn Độ trong giai đoạn tháng 4 đến tháng 10 tăng 24% so với năm ngoái

12 cảng than lớn thuộc sở hữu của chính phủ Ấn Độ đã tiếp nhận khoảng 61,11 triệu tấn than nhiệt trong giai đoạn bảy tháng tính từ ngày 1/4/2018, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu được đưa ra hôm thứ 3 bởi Cảng vụ Ấn Độ. Lượng than cốc được tiếp nhận tại cảng cũng tăng 11,5% so với năm ngoái lên mức 31,66 triệu tấn trong giai đoạn này. Cảng Paradip tại bờ biển miền Đông Ấn Độ đã tiếp nhận khối lượng than nhiệt lớn nhất với 18,86 triệu tấn, tăng 34% so với cùng kỳ năm ngoái. Cảng Kolkata, cũng nằm ở bờ biển miền Đông, tiếp nhận khối lượng than cốc cao nhất với 10,27 triệu tấn, tăng 53% so với cùng kỳ năm trước. 12 cảng bao gồm: Kolkata, Paradip, Visakhapatnam, Ennore, Chennai, VO Chidambaranar (Tuticorin), Cochin, New Mangalore, Mormugao, Mumbai, Jawaharlal Nehru Port Trust (JNPT) và Kandla. Chennai và JNPT không nhận bất kỳ lượng than nào trong tháng 4 đến tháng 10.

Hai cảng than của lớn nhất của Nga đã trung chuyển 37,3 triệu tấn than nhiệt trong giai đoạn tháng 1 đến tháng 10

Hai cảng than xuất khẩu Vostochny và Ust Luga đã trung chuyển tổng cộng 37,3 triệu tấn than trong giai đoạn tháng 1 đến tháng 10, theo dữ liệu của Cảng vụ. Vostochny, cảng than lớn nhất của Nga phục vụ thị trường Thái Bình Dương, đã trung chuyển 20,4 triệu tấn than trong giai đoạn tháng 1 tháng 10, theo dữ liệu của Cảng vụ. Lượng than xuất khẩu từ cảng này trong tháng 10 đạt 1,9 triệu tấn. Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 10, lượng than xuất khẩu đã tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Từ đầu năm 2018 đến nay, than từ cảng Vostochny đã được xuất khẩu đến những khu vực chính như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và Trung Quốc. Trong đó Hàn Quốc là nước nhập khẩu than lớn nhất với 6,94 triệu tấn than. Ngoài những thị trường trên, Vostochny đã xuất khẩu than tới những thị trường mới như Thái Lan, Việt Nam, và Pakistan. Theo Platts, giá than Nga 6.300 kcal/kg GAR, điều kiện FOB Thái Bình Dương đạt trung bình 115,75 USD/tấn trong tháng 10, và đang có xu hướng giảm kể từ khi đạt mức giá đỉnh 121,20 USD/tấn trong tháng 7.

Lượng than xuất khẩu từ cảng Ust Luga, cảng than lớn nhất khu vực Baltic, đạt 16,9 triệu tấn trong cùng kỳ, thấp hơn 17,4% so với cùng kỳ năm trước. Lý do cho sự sụt giảm này là cảng Ust Luga phải tiến hành nâng cấp công cụ kỹ thuật trong suốt năm 2018. Trong tháng 10, lượng than xuất khẩu từ cảng này đạt 1,5 triệu tấn, không thay đổi so với tháng trước. Cảng vụ không cho biết chi tiết thông tin điểm đến, tuy nhiên theo dữ liệu từ phần mềm thương mại của Platts cFlow, các cảng chính nhận than từ Ust Luga từ đầu năm đến nay là Amsterdam-Rotterdam-Antwerp tại Châu Âu, và khu vực Trung Đông và Bắc Phi, cụ thể là cảng Jorf Lasfar tại Morocco và cảng Alexandria tại Ai Cập. Platts định giá than Nga 6.000 kcal/kg NAR, điều kiện FOB Baltic ở mức 94,60 USD/tấn trong tháng 10, giảm từ mức 94,66 USD/tấn trong tháng 9. Tổng lượng than Nga xuất khẩu trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 10 đạt 159,93 triệu tấn, theo dữ liệu của Bộ Năng lượng, đồng nghĩa khối lượng than xuất khẩu từ hai cảng trên chiếm 23,3% tổng lượng than Nga xuất khẩu.

Lượng than xuất khẩu của Nam Phi trong tháng 8 đạt 6,6 triệu tấn

Nam Phi đã xuất khẩu 6,6 triệu tấn trong tháng 8, tăng 29,5% so với tháng 7 nhưng giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu của Platts hôm thứ 4 (31/10). Nhu cầu mua than Nam Phi trong tháng 8 tăng cao chủ yếu nhờ giá than trung bình giảm gần 10% so với tháng 7, đặc biệt khối lượng than Nam Phi vận chuyển đến Bắc Châu Âu tăng vọt, theo dữ liệu của S&P Global Platts và hải quan. Platts định giá than Richards Bay 5.500 kcal/kg NAR, điều kiện FOB ở mức 87,83 USD/tấn trung bình tháng 7 và 79,35 USD/tấn trung bình tháng 8. Trong tám tháng đầu năm nay, Nam Phi đã xuất khẩu 50 triệu tấn than và đang trên đà xuất khẩu 75 triệu tấn than cả năm, thấp hơn 6% so với năm ngoái. Trong tháng 8, Ấn Độ là nước nhập khẩu than Nam Phi lớn nhất với 2,96 triệu tấn, tương đương 45% tổng lượng than Nam Phi xuất khẩu, trong tháng 7, Ấn Độ đã nhập khẩu 2,87 triệu tấn. Tiếp theo là Pakistan với 893.048 tấn, tương đương 13,5% tổng lượng than Nam Phi xuất khẩu, cao hơn 615.789 tấn trong tháng 7. Hà Lan đứng thứ 3 với 667.434 tấn, tương đương 10% tổng lượng than Nam Phi xuất khẩu trong tháng 8, tăng từ 82.000 tấn trong tháng 7.

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	10,25	-0,35
	Queensland	Nhật Bản	11,85	-0,35
	New South Wales	Hàn Quốc	12,70	-0,35
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,45	+0,45
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,00	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,70	+0,45
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,35	+0,00
	Australia	Trung Quốc	13,50	-0,10
Australia	Ấn Độ	15,20	-0,10	

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 5/11/2018)